

2006

TS. NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN
BỘ TÀI CHÍNH

LỜI NÓI ĐẦU

Hướng dẫn thực hiện CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

V-T0 / 1452



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

Lời nói đầu

5

CHƯƠNG I - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm và đối tượng của kế toán 15
2. Đặc điểm của kế toán 16
3. Cơ cấu của hệ thống kế toán doanh nghiệp 17
4. Vai trò và chức năng của kế toán trong quá trình quản lý 18

CHƯƠNG II - KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

1. Kế toán tài chính và phạm vi của nó 21
2. Đơn vị kế toán (đơn vị áp dụng kế toán tài chính) 21
3. Đối tượng của kế toán tài chính 22
 - 3.1. Khái niệm, tiêu chí, và phân loại “Tài sản kinh doanh” 23
 - 3.2. Khái niệm, tiêu chí, và phân loại “Nguồn vốn kinh doanh” 29
 - 3.3. Khái niệm, tiêu chí “Doanh thu” và “Thu nhập khác” 32
 - 3.4. Khái niệm “Chi phí” và “Chi phí khác” 33
4. Các nguyên tắc kế toán cơ bản 34

CHƯƠNG III - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHỨNG TỪ, TÀI KHOẢN, SỔ KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO LUẬT, NGHỊ ĐỊNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-3-2006)

I - CÁC TÀI LIỆU KẾ TOÁN CƠ BẢN THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH KẾ TOÁN

1. Chứng từ kế toán

44

2. Tài khoản kế toán	45
3. Sổ kế toán	46
4. Báo cáo tài chính	46
II - TỔNG QUÁT VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN THEO LUẬT, NGHỊ ĐỊNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC)	
1. Hướng dẫn thực hiện các quy định về “Chứng từ kế toán”	47
1.1. Khái niệm và chức năng của chứng từ kế toán	47
1.2. Nội dung và các loại chứng từ kế toán (áp dụng từ ngày 20-3-2006)	47
1.3. Chứng từ điện tử	51
1.4. Hoá đơn bán hàng	53
1.5. Chứng từ kế toán sao chụp	55
1.6. Nguyên tắc lập chứng từ kế toán	55
1.7. Ký chứng từ kế toán	56
1.8. Quản lý và sử dụng chứng từ kế toán	56
1.9. Kiểm tra chứng từ kế toán	57
2. Hướng dẫn thực hiện các quy định về “Tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán”	57
2.1. Một số quy định của luật kế toán	57
2.2. Giải thích và hướng dẫn thực hiện	57
3. Hướng dẫn thực hiện các quy định về “Sổ kế toán” (áp dụng từ ngày 20-3-2006)	62
3.1. Một số quy định về sổ kế toán	62
3.2. Sửa chữa số liệu kế toán	64
4. Hướng dẫn thực hiện các quy định về “Báo cáo tài chính” (áp dụng từ ngày 20-3-2006)	65
4.1. Mục đích của báo cáo tài chính	65
4.2. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp	65
4.3. Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính	66
4.4. Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính	67
4.5. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính	67

4.6. Kỳ lập báo cáo tài chính	68
4.7. Thời hạn nộp báo cáo tài chính	68
4.8. Nơi nhận báo cáo tài chính	69
4.9. Căn cứ lập báo cáo tài chính	70
4.10. Các trường hợp được miễn lập và nộp báo cáo tài chính	71
4.11. Nội dung công khai báo cáo tài chính	71
4.12. Hình thức và thời hạn công khai báo cáo tài chính	71
4.13. Kiểm toán báo cáo tài chính	72

CHƯƠNG IV - HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP (áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-3-2006)

I - KỲ KẾ TOÁN 73

II - NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, GHI NHẬN TÀI SẢN, NGUỒN VỐN, CHI PHÍ VÀ THU NHẬP CỦA DOANH NGHIỆP

- | | |
|---|----|
| 1. Nguyên tắc đánh giá, và thời điểm ghi nhận “Tài sản kinh doanh” | 74 |
| 2. Thời điểm ghi nhận “Nguồn vốn kinh doanh” | 84 |
| 3. Nguyên tắc đánh giá và thời điểm ghi nhận “Doanh thu” và “Thu nhập khác” | 84 |
| 4. Nguyên tắc đánh giá “Giá vốn hàng bán” | 90 |
| 5. Thời điểm ghi nhận “Chi phí” và “Chi phí khác” | 90 |

III - HƯỚNG DẪN TỔNG QUÁT QUY TRÌNH KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (LẬP CHỨNG TỪ, GHI SỔ KẾ TOÁN, LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH)

- | | |
|--|----|
| 1. Các bước của quy trình kế toán | 91 |
| 2. Hướng dẫn thực hiện các bước của quy trình kế toán (Ví dụ minh họa) | 93 |

IV - HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP (áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-3-2006)

A. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp thống nhất hiện

hành (áp dụng từ ngày 20-3-2006)	105
1. Danh mục và cách sắp xếp các tài khoản trong hệ thống tài khoản	105
2. Các loại tài khoản của hệ thống tài khoản kế toán	114
B. Hướng dẫn kế toán các hoạt động kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp (áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-3-2006)	116
I. Kế toán vốn bằng tiền (TK 111, 112, 113)	116
1. Quy tắc kế toán vốn bằng tiền	116
2. Kế toán tiền mặt (TK 111)	117
3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (TK 112)	128
4. Kế toán tiền đang chuyển (TK 113)	136
II. Kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn (TK 121, 128, 129)	139
1. Đầu tư và các khoản đầu tư ngắn hạn	139
2. Kế toán các khoản “đầu tư ngắn hạn”	139
2.1. Kế toán “Đầu tư chứng khoán ngắn hạn” (TK 121)	139
2.2. Kế toán “Đầu tư ngắn hạn khác” (TK 128)	142
2.3. Kế toán “Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn” (TK 129)	144
III. Kế toán các khoản phải thu (TK 131, 133, 136, 138, 139)	146
1. Kế toán “Phải thu của khách hàng” (TK 131)	146
2. Kế toán “Thuế GTGT được khấu trừ” (TK 133)	153
3. Kế toán “Phải thu nội bộ” (TK 136)	158
4. Kế toán “Phải thu khác” (TK 138)	164
5. Kế toán “Dự phòng phải thu khó đòi” (TK 139)	168
IV. Kế toán các khoản “Ứng trước” (TK 141, 142, 144)	171
1. Kế toán “Tạm ứng” (TK 141)	171
2. Kế toán “Chi phí trả trước ngắn hạn” (TK 142)	172
3. Kế toán “Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn” (TK 144)	176
V. Kế toán “Hàng tồn kho” (TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159)	177
1. Quy tắc chung về đánh giá và kế toán hàng tồn kho	178
2. Kế toán “Hàng mua đang đi đường” (TK 151)	180

3. Kế toán “Nguyên liệu, vật liệu” (TK 152)	185
4. Kế toán “Công cụ, dụng cụ” (TK 153)	195
5. Kế toán “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” (TK 154) (hoạt động kinh doanh thông thường, hoạt động liên doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, và dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát)	204
6. Kế toán “Thành phẩm” (TK 155)	221
7. Kế toán “Hàng hóa” (TK 156)	224
8. Kế toán “Hàng gửi đi bán” (TK 157)	239
9. Kế toán “Hàng hóa kho bảo thuế” (TK 158)	242
10. Kế toán “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” (TK 159)	244
VI. Kế toán “Tài sản cố định” (TK 211, 212, 213, 214, 217)	246
1. Quy tắc chung về kế toán TSCĐ	246
2. Kế toán “Tài sản cố định hữu hình” (TK 211)	247
3. Kế toán “TSCĐ thuê tài chính” (TK 212)	257
4. Kế toán “TSCĐ vô hình” (TK 213)	270
5. Kế toán “Hao mòn TSCĐ” (TK 214)	277
6. Kế toán “Bất động sản đầu tư” (TK 217)	284
VII. Kế toán “Đầu tư dài hạn” (TK 221, 222, 223, 228, 229)	298
1. Kế toán “Đầu tư vào công ty con” (TK 221)	298
2. Kế toán “Vốn góp liên doanh” (TK 222)	302
3. Kế toán “Đầu tư vào công ty liên kết” (TK 223)	311
4. Kế toán “Đầu tư dài hạn khác” (gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết) (TK 228)	315
5. Kế toán “Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn” (TK 229)	319
VIII. Kế toán “Tài sản dài hạn khác” (TK 241, 242, 243, 244)	322
1. Kế toán “Xây dựng cơ bản dở dang” (TK 241)	322
2. Kế toán “Chi phí trả trước dài hạn” (TK 242)	329
3. Kế toán “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” (TK 243)	335
4. Kế toán “Ký quỹ, ký cược dài hạn” (TK 244)	338
IX. Kế toán “Nợ phải trả” (TK 311, 315, 331, 333, 334, 335, 336, 337, 338)	339